

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/ DS-ST

Ngày: 28 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Thân Thị Tuyết Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2020/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1974 (có mặt)

HKTT và cư trú tại: Lô A0, LK DD, khu phía nam Big C, phường DK, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** anh Đỗ Văn Đ, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Ông Nguyễn Quốc T - sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Tạm trú: Xóm CD, xã ĐV, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi làm việc: Cửa hàng máy xúc TH, đường 303, xã TL, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

*** Người làm chứng:**

1. Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Ông Ngô Văn Th, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/3/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 23/4/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày: Chị quen biết anh Đỗ Văn Đ qua ông Đỗ Văn T. Trước ngày 17/5/2019, anh Đ gặp và đề nghị chị cho anh vay khoảng 600.000.000 đồng để mua máy xúc về Lm ăn, chị đồng ý. Lần thứ nhất chị đưa cho anh Đ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tại quán nước ở gần khu Đại Hoàng Sơn, lần thứ hai chị đưa cho anh Đ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tại khu lều xây dựng của gia đình chị. Ngày 17/5/2020, anh Đ gọi điện cho chị nói đang ở dưới nhà anh T ở Tề Lỗ xem máy xúc và cho xe taxi đưa chị cùng anh T đến nhà anh T để xem máy. Sau đó chị và anh T Đ lái xe taxi đưa đi, đến nơi thì thấy anh Đ và một người đàn ông (L bạn của Đ) ở nhà anh T. Anh Đ nói đã thỏa thuận xong việc mua máy xúc Komatsu PW150ES-6K, trị giá 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng). Ngay trong bữa trưa hôm đó, chị đưa cho anh Đ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để anh Đ đặt cọc với người bán. Do anh Đ vay số tiền lớn mà không có tài sản thế chấp, nên chị và anh Đ thống nhất tính giá trị máy xúc L 300.000.000 đồng và để cho chị đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng, khi lấy máy về chị sẽ Lm hợp đồng cho anh Đ thuê lại máy để anh Đ Lm. Sau đó, chị cùng anh T ra phòng công chứng Khánh Linh Lm hợp đồng chuyển nhượng. Lm hợp đồng xong, chị và anh T về trước, anh Đ ở lại để lấy máy. Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh Đ và người lái xe chở chiếc máy xúc đến nhà chị. Lúc này, anh Đ và chị thống nhất số tiền anh Đ vay 600.000.000 đồng, trừ tiền mua máy xúc 300.000.000 đồng, anh Đ còn nợ chị L 300.000.000 đồng và viết một giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 17/5/2019 với nội dung chị mua của anh Đ chiếc máy xúc Komatsu nhỏ, loại máy đào bánh xích của Nhật, nhãn hiệu PC58UU-3 có số khung 20176, số động cơ 18158 với giá 300.000.000 đồng, chị giao tiền cho anh Đ và anh Đ giao giấy tờ máy xúc cho chị, hẹn trong 7 ngày hai bên ra phòng công chứng Lm thủ tục sang tên, nếu hết 7 ngày anh Đ không Lm thủ tục thì phải trả lại chị 300.000.000 đồng. Sau khi viết xong, chị, anh Đ và anh Đỗ Văn T L người Lm chứng đã ký nhận vào giấy tờ trên. Sau đó, anh Đ giao cho chị hợp đồng mua bán máy xúc của anh T và bộ giấy tờ máy xúc nhỏ của anh Đ, còn chị giao cho anh Đ số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, anh Đ cùng với người lái xe chở máy xúc đi luôn. Sau đó mấy ngày, anh Đ lên nhận máy về, chị và anh Đ lập hợp đồng thuê máy xúc Komatsu PW150ES-6K, với giá thuê L 35.000.000 đồng/01 tháng. Sau khi lấy máy về Lm, anh Đ trả cho chị Đ 30.000.000 đồng (trả ba lần, mỗi lần 10.000.000 đồng), sau đó thì không trả. Ngày 6/9/2019 chị gặp anh Đ tại khu bờ đê Tân Tiến (gần nhà anh Đ ở), hai bên đã thống nhất chị lấy lại máy, xóa hợp đồng thuê, số tiền thuê máy xúc chị không tính nữa. Số tiền anh Đ vay còn nợ 300.000.000 đồng, chị nhất trí trừ 30.000.000 đồng anh Đ đã trả vào đó, đồng thời do anh Đ nói bị thua lỗ nhiều, xin chị tính số nợ còn 200.000.000 đồng, hứa sẽ lo trả chị trong vòng 5 tháng, nên chị đồng ý. Do vậy, anh Đ đã viết giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 6/9/2019 với nội dung có nhận của chị số tiền 200.000.000 đồng để Lm ăn và hẹn trả trong vòng

năm tháng. Sau đó, anh Đ không trả tiền theo thỏa thuận, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Đ vay tiền để Lm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị yêu cầu cả anh Đỗ Văn Đ và vợ L chị Hoàng Thị L cùng có trách nhiệm trả chị số tiền vay 200.000.000 đồng. Về tiền lãi, chị yêu cầu anh Đ, chị L phải trả lãi tính theo mức 1%/tháng, kể từ ngày 06/9/2019 đến ngày xét xử.

Bị đơn anh Đỗ Văn Đ tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 6/5/2020, biên bản đối chất ngày 09/6/2020 và các lời khai tiếp theo trình bày: Do cần tiền mua máy xúc về Lm ăn nên anh đã gặp chị Th hỏi vay tiền, Đ chị Th đồng ý cho vay. Ngày 17/5/2019, anh và anh D ở thôn An Phong, xã Tân Tiến xuống Tài Lỗ xem máy xúc, sau đó anh gọi xe taxi đến chở chị Th và anh T xuống Tài Lỗ xem máy. Khi chị Th xuống thì anh và người bán máy xúc đã thỏa thuận xong. Do tiền mua máy xúc anh vay của chị Th L khoản tiền lớn, anh không có tài sản thế chấp, nên anh và chị Th thống nhất để chị Th đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng máy xúc Komatsu PW150ES-6K, sau đó chị Th sẽ ký hợp đồng cho anh thuê lại máy. Buổi trưa, chị Th đưa cho anh 50.000.000 đồng để anh đặt cọc tiền mua máy. Tối cùng ngày, người bán máy xúc bàn giao máy cho anh tại nhà chị Th. Số tiền mua máy còn lại chị Th giao trực tiếp cho người bán và anh không biết L bao nhiêu. Ngay tối ngày 17/5/2019 chị Th và anh đã thống nhất lập giấy biên nhận tiền mặt ghi chị Th mua của anh chiếc máy xúc Komatsu PC58 UU-3, máy của Nhật Bản số khung 20176 với số tiền 300.000.000 đồng, anh đã ký nhận bên dưới giấy tờ này. Sau ngày đó, anh đề nghị chị Th đưa cho anh giấy tờ mua bán máy xúc để anh đi thế chấp vay ngân hàng, nhưng chị Th không đưa mà Lm hợp đồng cho anh thuê máy xúc với giá thuê 35.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 01 năm, anh đã đồng ý. Anh mang máy xúc về Lm, trả Đ cho chị Th 35.000.000 đồng tiền thuê máy tháng đầu tiên, sau đó thì không trả. Ngày 06/9/2019 chị Th xuống lấy máy xúc bánh xích Komatsu PW150ES-6K về. Chị Th đã tính tiền thuê máy 02 tháng anh nợ L 70.000.000 đồng và tiền hao mòn máy bằng 130.000.000 đồng và buộc anh viết giấy nhận nợ. Anh đã viết giấy biên nhận tiền mặt ghi nội dung anh có nhận của chị Th 200.000.000 đồng để Lm ăn của gia đình, hẹn trả dần trong vòng 5 tháng và để lại một bộ giấy tờ của chiếc máy xúc nhỏ mang tên anh để Lm tin, trong vòng 5 tháng không trả Đ thì anh trả máy cho chị Th, khi nào anh trả tiền xong thì chị Th trả anh giấy tờ. Nội dung giấy viết trên L việc anh cam kết lo trả cho chị Th số tiền 200.000.000 đồng, anh không bán máy xúc cho chị Th. Nay chị Th khởi kiện đòi vợ chồng anh trả 200.000.000 đồng, anh chỉ đồng ý trả 70.000.000 đồng tiền thuê máy, còn 130.000.000 đồng chị Th tính hao mòn máy anh không đồng ý. Anh không đồng ý trả lãi vì không thỏa thuận. Anh không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị L trình bày: Chị L vợ của anh Đỗ Văn Đ, vợ chồng chị có Lm máy xúc và tháng 5 năm 2019 anh Đ có thuê máy xúc nhãn hiệu Komatsu 150 của chị Th với giá 35.000.000 đồng/tháng. Khi Lm máy, anh Đ đã trả cho chị Th Đ tháng thuê đầu tiên 35.000.000 đồng, hai tháng tiếp theo không Lm Đ nên không có tiền trả chị Th. Chị không biết giữa anh Đ và

chị Th đã thỏa thuận thanh toán tiền như thế nào, nhưng có biết chị Th lấy máy xúc về và tính tiền thuê máy nợ 2 tháng L 70.000.000 đồng, tiền khấu hao máy L 130.000.000 đồng. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Chị nhất trí với ý kiến của anh Đ chỉ trả 70.000.000 đồng tiền thuê máy còn nợ, yêu cầu chị Th trả lại giấy tờ chiếc máy xúc bánh xích Komatsu PC58 UU-3. Chị không có yêu cầu độc lập gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ngày 17/5/2019, anh Đ và chị Th có đến mua máy xúc của ông. Ông đã chuyển nhượng chiếc máy xúc loại máy đào bánh lốp, nhãn hiệu Komatsu PW150ES -6K, số máy 21416008, số khung W150K30273 cho anh Đỗ Văn Đ, giá chuyển nhượng khoảng 500.000.000 đồng. Ông chỉ giao dịch bán máy với anh Đ và anh Đ L người trực tiếp trả tiền cho ông. Ông đã bàn giao máy xúc cho anh Đ tại cửa hàng bán máy xúc Tuấn Hiếu tại đường 303, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Hợp đồng chuyển nhượng máy xúc có công chứng tại văn phòng công chứng Khánh Linh ở thôn Đồi Cao, xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, ông đã giao cho anh Đ hợp đồng cùng các giấy tờ liên quan. Nay Tòa án thành phố Bắc Giang giải quyết tranh chấp giữa anh Đ và chị Th, ông đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án.

Người Lm chứng ông Đỗ Văn T trình bày: Chị Trần Thị Th có quan hệ bạn bè xã hội với ông, còn anh Đ, chị L có quan hệ họ hàng, ở gần nhà. Năm 2019, anh Đ nhờ ông đưa đến gặp chị Th hỏi vay tiền để mua máy xúc về Lm ăn, do nể nang nên ông đồng ý. Khi gặp chị Th, anh Đ hỏi chị Th cho vay tiền, chị Th đồng ý. Chị Th đã cho anh Đ vay một lần 20.000.000 đồng và một lần 30.000.000 đồng và những lần vay này do Đ L người quen của ông và Đ nói vay khoảng 10 ngày thì trả nên chị Th không yêu cầu Đ viết giấy tờ vay mượn, không nói lãi suất. Đến ngày 17/5/2019 anh Đ có gọi điện cho ông và chị Th nói đã xem Đ một chiếc máy xúc dưới Tề Lỗ và cho một lái xe Taxi đến đón ông và chị Th xuống xem máy, mang tiền xuống cho Đ đặt cọc. Khi ông và chị Th đến nơi thì Đ đã thỏa thuận việc mua bán chiếc máy xúc Komatsu PW150 ES-6K xong với người bán tên L Tuấn. Khi ăn cơm trưa, chị Th đã đưa cho Đ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để Đ đưa cho anh T đặt cọc. Sau khi ăn cơm xong, Đ với chị Th có thỏa thuận để chị Th đứng tên trên hợp đồng, vì lúc đó anh Đ vay khoản tiền lớn của chị Th mà không có tài sản bảo đảm. Sau khi ký hợp đồng, chị Th và ông về ngay. Tối cùng ngày, người bán xe cho người chở chiếc máy xúc trên cùng Đ đem lên nhà chị Th. Tại đây, chị Th đã giao cho Đ số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), Đ đếm tiền rồi đưa cho người chở máy, sau đó Đ và người chở máy đi luôn. Tại buổi hôm đó, chị Th nói cho Đ vay tổng 600.000.000 đồng, chiếc máy xúc mua ở Tề Lỗ thì tính giá 300.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng thì ghi L mua chiếc máy xúc nhỏ của Đ đang Lm, nếu Đ không sang tên thì phải trả lại cho chị Th số tiền 300.000.000 đồng, anh Đ đã đồng ý nên chị Th viết giấy biên nhận tiền mặt. Chị Th yêu cầu ông ký nhận với tư cách L người Lm chứng cho sự việc. Sau đó ông biết anh Đ lấy máy về và Lm ăn, do máy liên tục hỏng, không sử dụng Đ, anh Đ

không thanh toán tiền thuê cho chị Th. Khi chị Th xuống lấy máy xúc về thì có gọi ông đi cùng, nhưng do công việc bận nên ông không đến. Giữa chị Th và Đ đã thỏa thuận như thế nào về số tiền Đ còn nợ, ông không rõ, ông chỉ biết chiếc máy xúc to Komatsu PW 150 chị Th đã đem về, còn máy xúc nhỏ thì Đ vẫn Lm. Khi chị Th khởi kiện ra Tòa án, ông có hỏi thì Đ nói nếu chị Th không kiện thì Đ còn tính trả, nay chị Th kiện thì đến đâu thì đến. Ông cam kết lời khai của ông L đúng sự thật, ông xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Người Lm chứng ông Ngô Văn Th trình bày: Năm 2019 anh Đ nhiều lần gặp ông và hỏi vay tiền để Lm ăn, nhưng do không tin tưởng anh Đ nên ông không cho vay, ông bảo anh Đ sang hỏi vay tiền của chị Th. Sau đó, anh Đ vay tiền Th như thế nào ông không biết. Một buổi tối khoảng giữa năm 2019, ông thấy xe ô tô chở chiếc máy xúc Komatsu PW150 về nhà chị Th và thấy anh Đ đi cùng người lái xe, nên ông và mọi người đến xem. Ông nhìn thấy chị Th vào nhà lấy tiền và đưa cho anh Đ mấy cọc tiền, nhưng không biết L bao nhiêu, ông cũng không ngồi nghe anh Đ, chị Th nói chuyện vì đây L việc riêng của anh Đ và chị Th. Sự việc ngày hôm đó ông chỉ biết vậy. Ông cam kết lời khai của ông L đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Th đã trình bày nội dung, yêu cầu khởi kiện như trên. Chị Th yêu cầu anh Đỗ Văn Đ và vợ L Hoàng Thị L phải chịu trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Về tiền lãi, theo khởi kiện ban đầu chị yêu cầu anh Đ phải trả tiền lãi tính theo mức 1%/01 tháng, kể từ ngày 06/9/2019 đến ngày xét xử, nay chị chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày chị nộp đơn kiện đến ngày xét xử.

Ông Đỗ Văn T, ông Hoàng Văn Th vẫn trình bày lời khai như trên và cam kết khai trung thực, đúng những sự việc đã biết.

Anh Đỗ Văn Đ, chị Hoàng Thị L, ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người Lm chứng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người liên quan đã Đ triệu tập, tổng đạt hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/9/2020 và ngày 28/8/2020 không có lý do nên HĐXX xét xử vụ án L đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai cùng tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp, do Tòa án thu thập Đ, có đủ cơ sở xác định chị Th khởi kiện đối với anh Đ, chị L L có căn cứ. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điều 227, 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các điều 357; điều 429, điều 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th. Buộc vợ chồng anh Đỗ Văn Đ, chị Hoàng Thị L trả chị Trần Thị Th số tiền gốc L 200.000.000 đồng, tiền lãi tính theo mức 10%/năm, kể từ ngày chị Th nộp đơn khởi kiện 31/03/2020 đến ngày xét xử L 5 tháng 28 ngày bằng 9.888.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi L: 209.888.800 đồng. Án phí: anh Đ, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Th cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người Lm chứng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Đỗ Văn Đ, người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị L đều vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 07/9/2020 và ngày 28/9/2020, anh Nguyễn Quốc T xin vắng mặt, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây L tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, các đương sự không tự giải quyết Đ, nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại thành phố Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo qui định tại khoản 3 điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 06/9/2019, điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án L 3 năm kể từ ngày quyền, nghĩa vụ bị vi phạm, nên HĐXX xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đúng theo quy định của Bộ luật dân sự.

5]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn Đỗ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L chị Hoàng Thị L trả số tiền vay 200.000.000 đồng theo giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 06/9/2019 và yêu cầu trả tiền lãi tính theo mức lãi suất 1%/tháng, kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử. Anh Đỗ Văn Đ, chị Hoàng Thị L xác định anh Đ có ký nhận khoản nợ trên, nhưng số tiền 200.000.000 đồng anh Đ nhận nợ chị Th có 70.000.000 đồng L nợ tiền thuê máy xúc trong 02 tháng và 130.000.000 đồng L tiền chị Th tính khấu hao máy xúc trong thời gian anh Đ sử dụng máy. Anh Đ, chị L chỉ chấp nhận trả chị Th 70.000.000 đồng.

Lời khai của nguyên đơn Trần Thị Th xác định nguồn gốc số tiền 200.000.000 đồng anh Đỗ Văn Đ nhận nợ chị ngày 06/9/2019 xuất phát từ số tiền chị cho anh Đ vay từ trước ngày 17/5/2019 và vay ngày 17/5/2019 để anh Đ mua máy xúc Komatsu PW150ES -6K, số máy 21416008, số khung W150K30273. Do anh Đ không có tài sản thế chấp, chị và anh Đ thống nhất để chị đứng tên trên giấy tờ

mua máy xúc trên, sau đó chị cho anh Đ thuê lại máy xúc. Hai bên cũng thống nhất tính số tiền anh Đ còn nợ lại L 300.000.000 đồng và ghi trong giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 17/5/2019 với nội dung chị mua chiếc máy xúc nhỏ Komatsu PC58 UU-3 Nhật Bản, số khung 20176 của anh Đ với số tiền 300.000.000 đồng, hẹn trong 07 ngày hai bên đến phòng công chứng Lm thủ tục sang tên, nếu không sang tên Đ thì anh Đ phải trả lại chị số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận như trên, chị đã giao cho anh Đ máy xúc để Lm. Ngày 06/9/2019, chị và anh Đ đã thống nhất chị lấy máy về, tính số tiền anh Đ còn nợ chị L 200.000.000 đồng nên anh Đ đã ghi nhận bằng giấy biên nhận tiền mặt.

Lời khai của anh Đỗ Văn Đ và của ông Đỗ Văn T cũng đều xác nhận việc anh Đ có vay tiền chị Th để mua máy xúc, có thỏa thuận giữa anh Đ và chị Th về việc chị Th đứng tên trên giấy tờ mua bán, việc anh Đ nhận nợ tiền ngày 17/5/2019 như chị Th khai. Các tài liệu, chứng cứ do chị Th xuất trình gồm hợp đồng mua bán máy chuyên dụng, giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 17/5/2019 đã ghi các nội dung đúng như lời khai của chị Th. Như vậy, từ lời khai của chị Th, anh Đ, anh T và tài liệu chứng cứ, có cơ sở để xác định đến ngày 17/5/2019, anh Đ xác nhận còn nợ chị Th 300.000.000 đồng, việc thỏa thuận, viết các giấy tờ trên đều Đ các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc.

Theo giấy biên nhận tiền mặt ngày 06/9/2019 chị Th đã giao nộp, anh Đ thừa nhận anh viết giấy nhận nợ trên và đây L cam kết của anh việc lo trả chị Th số tiền 200.000.000 đồng. Song anh Đ, chị L khai số tiền này không phải tiền vay mà L tiền nợ hai tháng thuê máy xúc bằng 70.000.000 đồng, tiền chị Th tính khấu hao máy trong thời gian anh Lm L 130.000.000 đồng. Ngoài lời khai, anh Đ, chị L không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Chị Th không thừa nhận. Xét trong giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 06/9/2019 do anh Đ viết, không có nội dung ghi tính tiền khấu hao máy, tính tiền nợ thuê máy như anh Đ khai. Trong hợp đồng thuê máy xúc chuyên dụng ghi ngày 17/5/2019 (bản phô tô) do anh Đ cung cấp cũng không ghi nội dung bên thuê máy phải trả tiền hao mòn, khấu hao tài sản trong thời gian thuê máy. Nội dung chị Th viết sau hợp đồng thuê máy xúc có ghi: “Hôm nay ngày 6/9/2019, Tôi Trần Thị Th và ông Đỗ Văn Đ đã thỏa thuận song về việc cho thuê máy xúc, máy đào (bán lốp) và từ hôm nay chấm dứt hợp đồng cho thuê máy với bên thuê L ông bà Đỗ Văn Đ. Tôi đã nhận máy về ngày 6/9/2019. Người viết và nhận máy Trần Thị Th”. Nội dung trên cũng không thể hiện việc chị Th tính tiền thuê máy, khấu hao máy để buộc anh Đ viết giấy biên nhận. Như vậy, lời khai của anh Đ, chị L không có căn cứ. HĐXX xác định việc chị Th khởi kiện và đưa các chứng cứ chứng minh anh Đ còn nợ chị 200.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Do anh Đ vay khoản tiền trên để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị Hoàng Thị L, vợ anh Đ có biết, căn cứ điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh Đ và chị L cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Th số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng.

Về tiền lãi, trong giấy biên nhận tiền mặt ghi ngày 06/9/2020, các bên không thỏa thuận về lãi, nên trong thời hạn 5 tháng từ ngày 06/9/2019 đến 02/02/2020 là

thời hạn chị Th cho anh Đ trả nợ, không có cơ sở để tính lãi. Kể từ ngày 07/02/2020, anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ điều 357, khoản 2 điều 468, điều 470 Bộ luật dân sự thì anh Đ phải chịu tiền lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ. Tại phiên tòa, chị Th chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày gửi đơn khởi kiện đến Tòa cho đến ngày xét xử, đây là ý chí tự nguyện của chị Th, phù hợp với quy định của pháp luật nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo hồ sơ vụ án, ngày Tòa án tiếp nhận đơn khởi kiện chị Th L 31/03/2020 tính đến ngày xét xử L 5 tháng 28 ngày, mức lãi suất Đ tính bằng 10%/năm, tiền lãi L: $\{200.000.000 \times 10\%/năm (= 8,33\%/tháng) \times 5 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 9.888.800 \text{ đồng}.$

Tổng cộng gốc và lãi anh Đ, chị L phải trả chị Th L 209.888.800 (hai trăm linh chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm) đồng.

Đối với ý kiến của chị L yêu cầu chị Th trả lại giấy tờ gốc của máy xúc nhỏ Komatsu PC58 UU-3. Chị Th thừa nhận hiện vẫn giữ giấy tờ trên do anh Đ giao khi vay tiền ngày 17/5/2019. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã giải thích quyền, nghĩa vụ, quyền Lm đơn khởi kiện song anh Đ, chị L không có đơn phản tố, không có đơn yêu cầu độc lập, do đó HĐXX không xem xét trong vụ án này. Trường hợp sau này giữa chị Th và anh Đ không tự giải quyết Đ thì anh Đ, chị L có quyền khởi kiện nếu có tranh chấp.

[6]. Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh Đ, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Đ chấp nhận.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điều 227, 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 357; điều 429, điều 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

Buộc anh Đỗ Văn Đ và chị Hoàng Thị L phải trả chị Trần Thị Th số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi là 9.888.800 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bằng 209.888.800 (hai trăm linh chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm) đồng.

Về án phí: anh Đỗ Văn Đ và chị Hoàng Thị L phải chịu 10.494.400 (mười triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Trần Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.375.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/0001228 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Đ tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án Đ niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người Đ thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng